TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/HSST
Ngày 25/11/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Mai và ông Lê Thanh Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Việt Phúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Đình, Kiểm sát viên.

Ngày 25/11/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2021/TLST-HS ngày 14/9/2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HS ngày 28/10/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/HSST-QĐ ngày 09/11/2021 đối với các bị cáo:

1. Ninh N Đ sinh năm 1975, tại xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm 5, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Ninh Văn V (đã chết) và bà Đoàn Thị H; vợ Trần Thị L và có 03 con lớn nhất 20 tuổi nhỏ nhất 11 tuổi; tiền án không, tiền sự không; bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Lê Thị N sinh năm 1977, tại xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú xóm Trung, thôn V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tông giáo: Không; con ông Lê Hải V và bà Vũ Thị H; chồng Vũ Văn T và có 03 con lớn nhất 13 tuổi, nhỏ nhất 04 tuổi; tiền án không, tiền sự không; bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người liên quan:

- Anh Trần Văn T sinh năm 1993; địa chỉ xóm 8, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Chị Trần Thị H sinh năm 1993; địa chỉ xóm 6, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ninh Ngọc Đ có một ngôi nhà ở thôn V, xã K; được Phòng Tài chính huyện Y cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ lưu trú mang tên "Nhà nghỉ Hương Hoa"; Đ có thuê Lê Thị N quản lý hoạt động kinh doanh Nhà nghỉ khi Đ

vắng mặt. Đ và N có thỏa thuận để cho H (là gái bán dâm) bán dâm tại Nhà nghỉ Hương Hoa để phục vụ khách nghỉ khi có nhu cầu với giá tiền từ 200.000 đồng đến 250.000 đồng/người/lượt mua dâm, trong đó gái bán dâm được hưởng 150.000 đồng. Nếu khách quen thu 200.000 đồng thì Đ được hưởng 50.000 đồng, nếu khách lạ thu 250.000 đồng thì Đ được hưởng 50.000 đồng và N được hưởng 50.000 đồng. Việc khách đến nghỉ và mua dâm đều được Đ và N ghị chép và quyển sổ theo dõi để tại quầy lễ tân.

Khoảng 13 giờ 20 phút ngày 09/6/2021 N và H đang ở tại Nhà nghỉ Hương Hoa thì T đến Nhà nghỉ để mua dâm. Khi T đến thì N có hỏi T "có đi cùng bạn không", T trả lời "không" N nói với T "để chị tìm cho một đứa nhé". T lấy 01 chai nước ngọt và hỏi tiền nước và tiền mua dâm, N nói tiền mua dâm là 250.000 đồng, tiền nước là 10.000 đồng và T đưa cho N là 260.000 đồng. N dẫn T vào phòng nghỉ số 02 tầng 1 của Nhà nghỉ Hương Hoa và bảo H vào để bán dâm cho T. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày trong lúc T và H đang quan hệ tình dục với nhau tại phòng nghỉ số 02 tầng 1 của Nhà nghỉ Hương Hoa thì bị tổ công tác của Công an huyện Y kiểm tra phát hiện lập biên bản; tổ công tác đã thu giữ của H 02 bao cao su chưa qua sử dụng, thu giữ của N số tiền là 260.000 đồng.

Khám xét khẩn cấp tại nơi làm việc của N tại nhà nghỉ Hương Hoa, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ tại ngăn kéo quầy lễ tân 1.000.000 đồng, 176 chiếc bao cao su nhãn hiệu Condom chưa qua sử dụng, 01 vở kẻ ngang nhãn hiệu Hồng Hà để ghi chép việc khách vào nghỉ và mua bán dâm tại Nhà nghỉ.

Cáo trạng số 50/CT-VKSYK ngày 13/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, truy tố các bị cáo Đ và N về tội "Chứa mại dâm" theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Đ và N như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đ và bị cáo N phạm tội "Chứa mại dâm".

- Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đ và bị cáo N mỗi bị cáo từ 21 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 42 tháng đến 48 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung Đ và N mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước gồm "Tiền mua bán dâm là 250.000 đồng; 01 điện thoại Vivo V2025 sim thuê bao số 0984085358; 01 điện thoại OPPO A31 lắp 02 sim thuê bao số 0865432128 và 0333898191; 01 điện thoại Samsung Galaxy A71 lắp 02 sim thuê bao số 0987799662 và 0979823562; riêng các sim thì tịch thu tiêu hủy. Tịch thu tiêu hủy 178 bao cao su. Trả lại cho bị cáo Đ số tiền đã thu giữ là 1.010.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án

Các bị cáo Đ và N đều trình bày: Đ và N có thỏa thuận với nhau về việc chứa mại dâm tại Nhà nghỉ Hương Hoa; trưa ngày 09/6/2021 N thu của T tiền mua dâm là 250.000 đồng, rồi N bảo H vào phòng số 02 tầng 1 của Nhà nghỉ Hương Hoa bán dâm cho T, trong lúc T và H đang quan hệ tình dục với nhau thì bị Công an bắt quả tang. Nói lời sau cùng các bị cáo đều nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của

mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người liên quan, người làm chứng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì; nên hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người liên quan, người làm chứng; phù hợp với các tài liêu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về hành vi của các bị cáo, nên có đủ cơ sở khẳng định:

Đ là chủ Nhà nghỉ Hương Hoa ở thôn V, xã K; Đ thuê N quản lý Nhà nghỉ và thỏa thuận với N nếu có khách mua dâm thì gọi gái bán dâm để bán dâm cho khách. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 09/6/2021 tại Nhà nghỉ Hương Hoa, anh T đến mua dâm, N thu của anh T tiền mua dâm là 250.000 đồng rồi gọi cho H bán dâm cho T tại phòng nghỉ số 02 tầng 1 của Nhà nghỉ Hương Hoa; trong lúc T và H đang quan hệ tình dục, thì tổ công tác của Công an huyện Y kiểm tra phát hiện lập biên bản.

Điều 327 của Bộ luật Hình sự quy đinh về tội "Chứa mại dâm".

1. Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Đ và N là trái pháp luật, đã xâm phạm đến đạo đức, thuần phong mỹ tục, đến đời sống văn hóa và trật tự trị an xã hội. Hành vi của các bị cáo Đ và N đã phạm vào tội "Chứa mại dâm" theo quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo Đ và N về tội "Chứa mại dâm" theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Đ là chủ Nhà nghỉ, bị cáo N là người quản lý điều hành tại Nhà nghỉ, cả hai bị cáo đều thống nhất với nhau về việc chứa mại dâm, nên giữ vai trò ngang nhau trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tăng nặng: Cả hai bị cáo Đ và N đều không có tình tiết tăng nặng.

Về giảm nhẹ: Bị cáo Đ "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhiều thành tích đóng góp trong phong trào của địa phương, đặc biệt là phong trào xây dựng nông thôn mới có xác nhận của UBND xã H" theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo N "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có mẹ chồng và đang chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ chồng là con của Liệt sỹ có xác nhận của UBND xã K" theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị của Viện kiểm sát về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về hình phạt đối với các bị cáo:

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cần phải xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, mới có đủ điều kiện giáo dục các bị cáo và góp phần Đ tranh phòng ngừa chung. Cả hai bị cáo Đ và N đều có 02 tình tiết giảm nhẹ, nên khi lượng hình Hội đồng xét xử có giảm nhẹ một phần về hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ đề nghị của Viện kiểm sát, lời nói sau cùng của các bị cáo; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vào các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo; Hội đồng xét xử nhận thấy cả hai bị cáo Đ và N đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trong đó có 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; cả hai bị cáo đều có nhân thân tốt, đã thể hiện rõ được sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần phải bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, căn cứ khoản 1 Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo.

Căn cứ khoản 5 Điều 327 của Bộ luật Hình sự phạt bổ sung các bị cáo Đ và N mỗi bị cáo là 15.000.000 đồng.

[6] Về biên pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Vất chứng thu giữ gồm 1.260.000 đồng; 01 điện thoại Vivo V2025 lắp sim thuê bao số 0984085358; 01 điện thoại A31 lắp 02 sim thuê bao các số 0865432128 và 0333898191; 01 điện thoại Samsung Galaxy A71 lắp 02 sim thuê bao số 0987799662 và 0979823562; 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave biển số 35N1-2738; 178 bao cao su hiệu Condom.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Wave biển kiểm soát 35N1-2738 là tài sản của N không liên quan đến hành vi phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo N là đúng pháp luật.

- Đối với 01 điện thoại Vivo V2025 lắp sim thuê bao số 0984085358 thu giữ của H nhưng là tài sản của N; 01 điện thoại OPPO A31 lắp 02 sim thuê bao các số 0865432128 và 0333898191 là tài sản của N; 01 điện thoại Samsung Galaxy A71 lắp 02 sim thuê bao số 0987799662 và 0979823562 là tài sản của Đ; tất cả đều có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, nên tịch thu sung và ngân sách Nhà nước.

- Về số tiền 1.260.000 đồng; trong đó tiền mua bán dâm là 250.000 đồng thì tịch thu sung quỹ Nhà nước; số tiền còn lại là 1.010.000 đồng là tiền của Đ, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, nên trả lại cho bị cáo Đ.

- Đối với 178 bao cao su nhãn hiệu Condom, mục đích để sử dụng vào việc mua bán dâm nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Đối với hành vi mua bán dâm của T và H, Công an huyện Y đã xử phạt vi phạm hành chính đối với T và H là đúng pháp luật.

[8] Về án phí: Các bị cáo Đ và N đều bị kết án, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Ninh N Đ và Lê Thị N phạm tội "Chứa mại dâm".

2. Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: - Ninh N Đ 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án 25/11/2021. Phạt bổ sung 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Lê Thị N 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án 25/11/2021. Phạt bổ sung 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Giao bị cáo Ninh N Đ cho UBND xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; giao bị cáo Lê Thị N cho UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo; gia đình bị cáo Đ, gia đình bị cáo N có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo Đ, bị cáo N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Đ, bị cáo N cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước gồm: Tiền mua bán dâm là 250.000 đồng; 01 điện thoại Vivo V2025 lắp sim thuê bao số 0984085358; 01 điện thoại OPPO A31 lắp 02 sim thuê bao số 0865432128 và 0333898191; 01 điện thoại Samsung Galaxy A71 lắp 02 sim thuê bao số 0987799662 và 0979823562. Riêng các sim điện thoại đang lắp trong các điện thoại thì tịch thu tiêu hủy.

- Trả lại cho Ninh N Đ số tiền đã thu giữ là 1.010.000 đồng, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 178 bao cao su nhãn hiệu Condom.

Vật chứng có đặc điểm tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/9/2021 của Công an huyện Y với Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Số tiền đang trong tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, số tài khoản 3949.0105.5132.00000 tại Kho bạc Nhà nước huyện Y, theo ủy nhiệm chi ngày 24/9/2021 của Công an huyện Y.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 25 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo Ninh N Đ và Lê Thị N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người liên quan là anh T và chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Đều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Bị cáo,
- Người liên quan
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực